

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B

TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 34/2024/HSST

Ngày: 31/5/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Trục

2. Ông H Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HS, ngày 21/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đình Ph**, sinh ngày: 12/10/1969 tại: thị trấn Hồi Xuân, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn K, xã Th, huyện B, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đình Công Uyển (đã chết) và bà Vương Phôi Oanh (đã chết); Có vợ Phạm Thị C, sinh năm 1972 và 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 22/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn K, xã Th, huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21/10/2022, Trần Đình Ph, sinh năm: 1969 ở Thôn K, xã Th, huyện B cho Bùi Thị H, sinh năm: 1987 ở cùng thôn vay 200.000.000đ

(hai trăm triệu đồng) với lãi suất 4.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 146%/1 năm, sau khi vay tiền H đã trả được cho Ph 07 lần lãi, tổng 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng) tiền lãi của 70 ngày từ ngày 21/10/2022 đến 29/12/2022, sau đó H không trả được tiền lãi các tháng tiếp theo. Đến ngày 12/05/2023 H trả cho Ph 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc, đồng thời Ph và H thoả thuận không tính lãi đối với khoản vay này và không tính lãi đối với số tiền lãi chưa trả được trước đó nữa mà chỉ yêu cầu H trả tiền gốc còn lại là 100.000.000 (một trăm triệu đồng).

Như vậy, từ ngày 21/10/2022 đến ngày 29/12/2022 Trần Đình Ph cho Bùi Thị H vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) với lãi suất 146%/1 năm cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/1 năm) thu được 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng) tiền lãi, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 7.671.233đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lời bất chính là 48.328.767đ (bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B ban Hnh Công văn số 71/CV-ĐCSHS gửi Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện B tiến Hnh rà soát tìm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Không có tiếp nhận thêm trường hợp nào vay tiền với Trần Đình Ph.

Ngày 16/01/2024, Trần Đình Ph đến Công an huyện B xin được đầu thú và khai báo về Hnh vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bản thân.

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng:

01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 867143064389794; số IMEI2: 867143064389786, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim có ghi số: 8984048000380257251, đã qua sử dụng được cho vào 01 phong bì niêm phong do Công an huyện B phát Hnh, mặt trước phong bì có ghi dòng chữ “Điện thoại của Trần Đình Ph”, mặt sau trên các mép được dán kín có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Phạm Văn THnh, Bùi Văn H, Nguyễn Văn Đương, Trần Đình Ph và các hình dấu của Công an huyện B để niêm phong.

Hiện vật chứng nêu trên đang được chuyển nhập kho vật chứng tại chi cục thi Hnh án dân sự huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Về biện pháp tư pháp:**

- Chị Bùi Thị H có đơn đề nghị yêu cầu Trần Đình Ph trả lại số tiền đã thu lợi bất chính.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSBT-KT ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trần Đình Ph về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật, bị cáo không có thắc mắc gì.

Bị cáo thừa nhận bị cáo cho chị H vay số tiền 200.000.000đ với lãi suất 4.000đ/01 triệu đồng/01 ngày hai bên làm giấy, thỏa thuận vay 10 ngày, lãi chỉ thỏa thuận miệng, bị cáo biết mức lãi bằng 146%/1 năm cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/1 năm) là vi phạm pháp luật, bị cáo thu được 56.000.000đ tiền lãi, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 7.671.233đ, sau khi khởi tố vụ án đến nay bị cáo vẫn chưa trả lại số tiền thu lời bất chính 48.328.767đ cho chị H. Quá trình vay và trả nợ bị cáo dùng chiếc điện thoại OPPO, màu đen, số IMEI1: 867143064389794; số IMEI2: 867143064389786, bên trong có gắn 01 thẻ sim có ghi số: 8984048000380257251 để giao dịch với chị H. Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại Cơ quan Điều tra phù hợp với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, chị H thừa nhận còn nợ lại của bị cáo 100.000.000đ tiền gốc, số tiền lãi thu lời bất chính 48.328.767đ bị cáo vẫn chưa trả cho chị nên đề nghị bị cáo phải trả số tiền này cho chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đình Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt tiền đối với bị cáo Trần Đình Ph số tiền từ 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Ph phải nộp tịch thu sung công nộp vào ngân sách NH nước số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 20%/năm mà bị cáo đã thu của người vay số tiền là 7.671.233đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng số tiền bị cáo phải nộp là 107.671.233đ (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Buộc chị Bùi Thị H nộp vào ngân sách NH nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ph chưa trả là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ph dùng vào việc phạm tội và chị H chưa trả cho bị cáo.

Bị cáo Ph phải trả lại cho chị H tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là: 48.328.767đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị tịch thu bán xung công quỹ nH nước của bị cáo Trần Đình Ph 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 867143064389794; số IMEI2: 867143064389786, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim có ghi số: 8984048000380257251, đã qua sử dụng do bị cáo dùng làm công cụ cho việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Hình vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/10/2022 đến ngày 29/12/2022 bị cáo Trần Đình Ph đã dùng số tiền của mình cho Bùi Thị H vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi 4.000đ/01 triệu đồng/01 ngày tương ứng mức lãi suất 146%/1 năm cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/1 năm) thu được 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) tiền lãi, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 7.671.233đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lời bất chính là 48.328.767đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Như vậy, căn cứ công văn số 142/THH-TTGSNN ngày 25/01/2024 của Ngân Hng NH nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hoá xác định được với lãi suất 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày thì sẽ tương đương với lãi suất là $4.000đ \times 365/1.000.000đ = 1,46 \times 100\% = 146\%/1 \text{ năm}$ gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1 năm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định:

- Số tiền thu lời bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay phải trả cho người cho vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong cả kỳ hạn vay. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ, Hình vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động mà không chịu khó kiếm tiền chân chính mà lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về tài chính của người khác để thu lời bất chính từ việc cho vay nặng lãi. Hình vi của bị cáo có tính chất ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự về hoạt động quản lý của NH nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội, Hình vi đó còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, Hình vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” Bị cáo được hưởng 01 tình tiết nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là “người phạm tội đầu thú”. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy xử phạt Hình vi của bị cáo một khoản tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt tiền bổ sung: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền gốc bị cáo cho vay đã được người vay trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là công cụ phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm theo quy định BLDS quy định mà bị cáo đã thu của người vay 7.671.233đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) là khoản tiền phát sinh từ Hình vi phạm tội nên cần truy thu xung công quỹ NH nước. Tổng cộng truy thu của bị cáo là 107.671.233đ (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Đối với số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H còn nợ bị cáo vì vậy cần truy thu sung công quỹ NH nước.

Đối với số tiền lãi thu vượt quá quy định bị cáo Ph thu của người vay. Chị H yêu cầu bị cáo phải trả lại, vì vậy bị cáo phải trả cho chị H số tiền 48.328.767đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[7] Về vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 867143064389794; số IMEI2: 867143064389786, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim có ghi số: 8984048000380257251, đã qua sử dụng, bị cáo thừa nhận dùng điện thoại để nhắn tin và gọi điện để yêu cầu người vay trả tiền lãi là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu bán xung công quỹ NH nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Đình Ph số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Về các biện pháp tư pháp: Truy thu để xung công quỹ nộp ngân sách NH nước của bị cáo Trần Đình Ph 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội bị cáo đã thu về và 7.671.233đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) là tiền lãi thu 20%/năm theo quy định. Tổng cộng truy thu của bị cáo là 107.671.233đ (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba nghìn đồng), làm tròn 107.671.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Truy thu đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Bị cáo Ph phải trả lại cho chị H số tiền lãi lãi thu vượt quá quy định là: 48.328.767đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu bán đấu giá xung công quỹ NH nước của bị cáo Ph 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 867143064389794; số IMEI2: 867143064389786, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim có ghi số: 8984048000380257251, đã qua sử dụng được cho vào 01 phong bì

niêm phong do Công an huyện B phát hành, mặt trước phong bì có ghi dòng chữ “Điện thoại của Trần Đình Ph” mặt sau trên các mép được dán kín có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Phạm Văn THnh, Bùi Văn H, Nguyễn Văn Dương, Trần Đình Ph và các hình dấu của Công an huyện B để niêm phong.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 40/2024/BB giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 21/5/2024.

-Về án phí: Bị cáo Ph phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Trục

H Văn Bình

Vũ Văn Ng